

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2017

V/v tranh chấp xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tăng Tiến Sơn
2. Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 944/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 30B/26 đường T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh L, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 205 X, Singapore 423698; vắng mặt.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh T, sinh năm 1961; địa chỉ: Y, Singapore; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày ngày 19 tháng 5 năm 2017 và các bản tự khai, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền của Singapore vào ngày 12 tháng 4 năm 2011. Sau một năm chung sống, chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012. Năm 2013, chị có quan hệ tình cảm và đã chung sống với anh L. Quá trình chung sống với anh L, cuối tháng 6 năm 2013, chị đã có thai. Ngày 06 tháng 3 năm 2014, chị đã sinh con gái và đặt tên là M. Lúc này, do chị và anh T vẫn trong thời gian quan hệ vợ chồng hợp pháp nên khi đăng ký khai sinh cho cháu

M, chị vẫn đặt tên con họ Toh và khai cha đẻ của cháu trong Giấy khai sinh số 44/2014, quyển số 01/2014 do Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 5 năm 2014 là anh T.

Ngày 12 tháng 7 năm 2016, chị và anh L có thêm một con gái chung nữa theo Giấy chứng sinh số 56, quyển số 08, cấp ngày 12 tháng 7 năm 2016 tại Bệnh viện phụ sản Tâm Phúc, Hải Phòng, dự định đặt tên là A.

Ngày 20 tháng 12 năm 2016, tại Tòa án pháp lý gia đình của nước Cộng hòa Singapore, chị và anh T đã được Tòa án quyết định cho ly hôn.

Nay, để đảm bảo quyền lợi cho con, chị đề nghị Tòa án xác định anh L là cha đẻ của hai cháu M sinh ngày 06 tháng 3 năm 2014 và A (tên giả định) sinh ngày 12 tháng 7 năm 2016 do chị sinh ra.

Tại bản tự khai gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, anh L trình bày: Từ năm 2013, anh có quan hệ tình cảm và có sống chung với chị H. Tháng 6 năm 2013, chị H mang thai và đã sinh một bé gái vào ngày 06 tháng 3 năm 2014. Do chị H và anh T chưa ly hôn nên khi đăng ký khai sinh cho con, chị H vẫn đăng ký tên con họ Toh, đặt tên là M và khai cha đẻ của con trong Giấy khai sinh là anh T.

Ngày 12 tháng 7 năm 2016, chị H sinh một bé gái nữa tại Bệnh viện phụ sản Tâm Phúc, Hải Phòng, dự định đặt tên là A.

Trong khoảng thời gian chung sống với chị H, anh tin tưởng hai cháu M và A (tên giả định) đều là con đẻ của anh. Để có niềm tin chắc chắn, tháng 4 năm 2017, anh đã đề nghị Viện Kỹ thuật Hóa học, Sinh học và Tài liệu nghiệp vụ, Tổng cục Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ Công an xét nghiệm ADN xác định mối quan hệ huyết thống giữa anh với hai cháu M và A (tên giả định). Kết quả giám định là anh và các cháu M, A (tên giả định) có quan hệ huyết thống cha con với xác suất quan hệ là 99,9999999%. Nay, chị H có đơn đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của hai cháu M, A (tên giả định) do chị H sinh ra, anh hoàn toàn đồng ý. Do anh ở nước ngoài, bận công việc không thể tham dự phiên tòa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Đồng thời anh uỷ quyền cho chị H thay mặt anh nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T trình bày tại các văn bản gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng: Anh kết hôn với chị H, có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 4 năm 2011 tại Phòng đăng ký kết hôn Singapore. Sau khi kết hôn, anh và chị H có chung sống với nhau một năm, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị H đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và sinh ra cháu M. Do vợ chồng chưa ly hôn nên khi khai sinh tên cho cháu M, chị H đã khai tên của anh là cha đẻ, được ghi trong giấy khai sinh của cháu M. Đến nay, anh và chị H đã ly hôn, anh xác nhận anh không phải là cha đẻ của cháu M. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc anh không thể về Việt Nam tham dự phiên

toà, anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh. Anh uỷ quyền cho chị H thay mặt anh nhận các văn bản tố tụng tại Toà án.

Do anh L và anh T đều ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên toà, chị H có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án công nhận anh L là cha đẻ của hai cháu M sinh ngày 06 tháng 3 năm 2014 và A (tên giả định) sinh ngày 12 tháng 7 năm 2016 do chị sinh ra. Anh L và anh T vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định anh L là cha đẻ của các cháu M và cháu A (tên giả định), phù hợp với nguyện vọng của Anh L và Anh T, phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN huyết thống của Bộ Công an. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T là người Singapore. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện đề nghị Toà án xác định anh L là cha đẻ của hai cháu M sinh ngày 06 tháng 3 năm 2014 và A (tên giả định) sinh ngày 12 tháng 7 năm 2016 do chị sinh ra. Theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh L và anh T vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh L và anh T.

[4] Về yêu cầu xác định cha cho con của chị H:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị H có đăng ký kết hôn với anh T vào ngày 12 tháng 4 năm 2011 tại Cơ quan có thẩm quyền của Singapore. Trong thời gian hôn nhân với anh T, chị H có chung sống như vợ chồng với anh L và sinh hai cháu là cháu M vào ngày 06 tháng 3 năm 2014 và cháu A (tên giả định) vào ngày 12 tháng 7 năm 2016.

Tại hai Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm ADN huyết thống ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Sinh học nghiệp vụ (P3), Viện Kỹ thuật Hoá học, Sinh học và Tài liệu nghiệp vụ - Bộ Công An xét nghiệm mã số mẫu HA1709B (cha giả định) với hai mã số mẫu HA1709C1 (con) và HA1709C2 (con) trả lời kết quả xét nghiệm ADN huyết thống đã kết luận: Anh L và các cháu M, A có quan hệ huyết thống Cha -Con với xác suất quan hệ là 99,9999999%.

Lời khai của chị H phù hợp với trình bày của anh L và anh T, phù hợp với kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Sinh học nghiệp vụ (P3), Viện Kỹ thuật Hoá học, Sinh học và Tài liệu nghiệp vụ - Bộ Công An nên Hội đồng xét xử công nhận đó là sự thật khách quan, xác định anh L là cha đẻ của cháu M và cháu A (tên giả định) do chị H sinh ra.

Như vậy, yêu cầu của chị H về việc xác định anh L là cha đẻ của các cháu M và cháu A (tên giả định) do chị H sinh ra là có cơ sở và chính đáng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị H.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì vụ án này thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí. Vì vậy, các đương sự trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị H, anh L, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H: Xác định anh L là cha đẻ hai cháu M sinh ngày 06 tháng 3 năm 2014 và A (tên giả định) sinh ngày 12 tháng 7 năm 2016 do chị H sinh ra.

2. Về án phí dân sự: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

- Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh L và anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng